**Tiết 2. Toán**

**T 42. LÍT**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- HS nhận biết, cảm nhận về dung tích (so sánh lượng nước chứa trong đồ vật), về biểu tượng đơn vị đo lít.

- Biết đọc, viết đơn vị đo lít.

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực tính toán.

**3. Phẩm chất:**

- Phát triển kĩ năng hợp tác, rèn tính cẩn thận.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- GV: Giáo án điện tử, bình, cốc, chai, ca 1l

**III. Các hoạt động dạy học chủ yếu:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **A. Hoạ**t động mở đầu: ( 3- 5’)  1. Khởi động: (2-3’)  - Trò chơi: Hái hoa tặng cô :  12 kg + 23 kg; 13 kg – 8 kg  2. Kết nối: (1-2’)  - Giới thiệu bài, ghi tên bài  **B. Hoạt động hình thành kiến thức mới: (11-13’) Khám phá:**  **\*** GV cho HS quan sát bình, cốc thật như tranh phần a sgk/tr.62:  +So sánh hình dáng bình và cốc như thế nào?  + Cái nào đựng được nhiều nước hơn? Cái nào đựng được ít nước hơn?  - Vậy dung tích của cái bình sẽ đựng được nhiều hơn, dung tích của cốc đựng được ít hơn.  \* Cho HS quan sát tiếp như tranh phần a sgk/tr.62:  + Lượng nước ở bình rót hết ra được mấy cốc?  - Vậy lượng nước trong bình bằng lượng nước ở 4 cốc.  - Cho HS thực hành rót nước từ bình sang cốc và nêu: Lượng nước ở bình rót hết ra được mấy cốc?  \* Cho HS quan sát tiếp ca, chai 1l như tranh phần b sgk/tr.62:  - Đây là ca 1 lít và chai 1 lít.  - Nếu ca và chai này chứa đầy nước, ta có lượng nước trong chai, ca là 1 lít.  - Giới thiệu đây chính là đơn vị đo lít, viết tắt là l. – Lít là 1 đơn vị đo dung tích.  - GV lấy ví dụ: Cô lấy nước rót đầy 2 ca 1 lít. Vậy cô có mấy lít?  - GVYC HS đọc thầm, đọc to phần khám phá  **C. Hoạt động luyện tập, thực hành: (12-14’)**  **Bài 1:** KT: Nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn 1l  - YC HS đọc thầm bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63: Hãy so sánh lượng nước 1l ở ca 1l với lượng nước ở chai rồi lựa chọn câu trả lời đúng.  - GV YC HS làm bài cá nhân sau đó chưa bài bằng cách giơ đáp án.  - Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.  Chốt: Cách nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn 1l cách quan sát, so sánh.  **Bài 2:** KT: Đọc số kèm đơn vị lít.  - YC HS đọc thầm bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63:  - Hãy đọc các đơn vị đo có trong mỗi hình.  - GV YC HS viết số  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.  - Khi viết số cần lưu ý gì?  Chốt: Cách đọc, viết số kèm đơn vị lít.  **Bài 3:** KT: So sánh, nhận biết lượng nước nhiều hơn, ít hơn  - YC HS đọc thầm bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Cho HS quan sát tiếp tranh sgk/tr.63:  - GV YC HS làm bài.  - Làm phần a dựa vào đâu?  - Chữa bài phần b: Soi bài, đọc bài làm  Bài toán thuộc dạng toán gì?  Chốt: Cách nhận biết về đơn vị đo lít, nhiều hơn, ít hơn.  **D. Hoạt động củng cố, dặn dò: (2-3’)**  - Hôm nay em biết đực những gì?  - Nhận xét giờ học. | - HS viết ĐA vào BC  - HS nhắc lại  **-** 2-3 HS trả lời.  + Cái bình to hơn cái cốc.  + Bình đựng nhiều nước hơn cốc, cốc đựng ít nước hơn bình.  - HS lấy thêm ví dụ và chia sẻ.  - Được 4 cốc.  - HS lắng nghe, nhắc lại.  - HS nêu  - 2 -3 HS đọc.  - HS quan sát.  - 1-2 HS trả lời.  - HS nêu.  - 2 lít.  - HS đọc phần khám phá  - HS đọc thầm.  - 1-2 HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS làm bài  - HS chia sẻ: Đáp án B đúng. Vì 1l chứa đầy 1 chai và 1 cốc nên chai chứa ít hơn 1l nước.  - HS đọc thầm.  - 1-2 HS trả lời.  - HS làm bài vào nháp: 10l, 3l, 2l, 5l, 20l.  - HS đọc: mười lít, ba lít, hai lít, năm lít, hai mươi lít.  - HS đọc thầm.  - 1-2 HS trả lời.  - HS làm bài vào vở   1. HS viết: Lượng nước ở bình A là 4 cốc. Lượng nước ở bình B là 6 cốc   - Quan sát hình vẽ.  b) HS so sánh bằng cách nhẩm điền số vào ô trống hoặc giải bài toán có lời văn dạng hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?  Bài giải  Lượng nước ở bình B nhiều hơn lượng nước ở bình A là:  6 – 4 = 2 (cốc)  Đáp số: 2 cốc  - HS chia sẻ |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_